

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

1. Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ.**

- Mã chứng khoán: **TMP.**

- Địa chỉ: Khu 5, phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại liên hệ: 0271.2245094 Fax: 0271.3778268

- Email: nabtk@tmhpp.com.vn

2. Nội dung công bố thông tin:

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (TMP) thực hiện công bố lại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán. Lý do: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán được TMP công bố ngày 30/03/2022 thiếu trang số 9.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của TMP vào ngày 01/06/2022 tại đường dẫn <https://www.tmhpp.com.vn/c2/pages-c/Co-dong-5.aspx>. Đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán được công bố lại vào ngày 01/06/2022 tại đường dẫn <https://tmhpp.com.vn/c3/pages-f/Bao-cao-tai-chinh-5-454.aspx>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT, TCKT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Huỳnh Văn Khánh



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
DN: C=VN, L=BÌNH PHƯỚC, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
3800311306
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022-06-01 13:27:09
Foxit Reader Version: 9.7.1

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký 4403000108 ngày 1 tháng 1 năm 2008
Kinh doanh/Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 20 tháng 5 năm 2021

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần thay đổi gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3800311306 ngày 20 tháng 5 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Huỳnh Văn Khánh Ông Nguyễn Quang Quyền Ông Lê Tuấn Hải Ông Nguyễn Văn Non	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Hồ Thành Công Bà Lại Lệ Hương Bà Lê Nguyễn Khánh Linh	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 6 năm 2021)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Non Ông Nguyễn Hùng Lượng Ông Đinh Văn Sơn	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 5 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Nguyễn Văn Non Ông Nguyễn Hùng Lượng	Tổng Giám đốc (từ ngày 15 tháng 5 năm 2021) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 15 tháng 5 năm 2021)
Trụ sở đăng ký	Khu 5, Phường Thác Mơ Thị xã Phước Long Tỉnh Bình Phước Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 44 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Bình Phước, ngày 29 tháng 3 năm 2022

042-

NHÀ
S TY
PM

HỒ H



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 44.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.






Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-01-00326-22-2




Trần Thị Lệ Hằng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3782-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		750.996.018.192	881.338.885.561
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	91.051.265.774	64.340.714.699
Tiền	111		5.291.265.774	2.440.714.699
Các khoản tương đương tiền	112		85.760.000.000	61.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	433.000.000.000	674.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		433.000.000.000	674.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		223.942.581.143	130.497.450.090
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	184.644.072.090	89.944.848.866
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.180.625.043	2.435.200.201
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	203.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	46.188.644.181	45.985.161.194
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.070.760.171)	(8.070.760.171)
Hàng tồn kho	140	10	1.903.229.064	2.495.674.836
Hàng tồn kho	141		1.903.229.064	2.495.674.836
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.098.942.211	10.005.045.936
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		156.107.944	261.320.701
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	9.743.725.235
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	942.834.267	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.238.786.419.678	1.145.461.961.329
Tài sản cố định	220		945.941.213.564	934.362.329.368
Tài sản cố định hữu hình	221	11	934.378.552.023	918.853.807.100
Nguyên giá	222		3.179.308.834.300	3.078.236.788.690
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.244.930.282.277)	(2.159.382.981.590)
Tài sản cố định vô hình	227	12	11.562.661.541	15.508.522.268
Nguyên giá	228		16.553.233.650	20.819.451.225
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.990.572.109)	(5.310.928.957)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.943.292.479	2.869.359.794
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.943.292.479	2.869.359.794
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	275.443.454.456	198.691.705.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		124.583.454.456	47.831.705.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		150.860.000.000	150.860.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		15.458.459.179	9.538.567.167
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	11.927.372.181	5.318.549.043
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	943.859.274	1.074.355.982
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.587.227.724	3.145.662.142
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.989.782.437.870	2.026.800.846.890

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		587.917.677.594	464.014.884.873
Nợ ngắn hạn	310		155.127.434.937	125.324.366.141
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	30.506.889.562	63.491.259.254
Người mua trả tiền trước	312		-	240.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(a)	36.878.620.871	26.181.340.770
Phải trả người lao động	314		25.157.913.472	16.799.178.001
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.189.172.892	1.005.357.930
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	12.313.845.760	9.780.386.894
Vay ngắn hạn	320	20(a)	43.262.245.888	3.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	2.818.746.492	4.826.843.292
Nợ dài hạn	330		432.790.242.657	338.690.518.732
Vay dài hạn	338	20(b)	413.709.874.190	332.364.939.732
Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.518.473.500	2.605.579.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	22	16.561.894.967	3.720.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.401.864.760.276	1.562.785.962.017
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.401.864.760.276	1.562.785.962.017
Vốn cổ phần	411	24	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		56.454.368.091	56.454.368.091
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	235.522.191.215	178.253.506.741
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		365.373.138.490	583.719.012.035
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.356.061.406	405.502.239.990
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		353.017.077.084	178.216.772.045
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		44.515.062.480	44.359.075.150
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.989.782.437.870	2.026.800.846.890

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đặng Thúy Linh

Đặng Thúy Linh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Nga

Bùi Thị Kim Nga
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	748.324.032.680	443.211.102.884
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	285.716.609.036	213.983.994.558
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		462.607.423.644	229.227.108.326
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	35.533.630.744	45.961.783.665
Chi phí tài chính	22		33.029.916.955	8.620.856.025
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		33.029.916.955	8.620.856.025
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	24	6(b)(i)	24.751.749.456	(7.525.035.370)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	58.559.130.998	32.062.725.462
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		431.303.755.891	226.980.275.134
Thu nhập khác	31		368.028.627	59.005.600
Chi phí khác	32		1.475.437.701	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.107.409.074)	59.005.600
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		430.196.346.817	227.039.280.734
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	70.153.825.867	43.692.353.658
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	130.496.708	130.496.708
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		359.912.024.242	183.216.430.368
Trong đó:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		353.217.077.084	178.522.622.045
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.694.947.158	4.693.808.323
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	5.046	2.550

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đặng Thúy Linh

Đặng Thúy Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Nga

Bùi Thị Kim Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2021	2020
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		430.196.346.817	227.039.280.734
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		88.848.242.183	38.968.526.366
Các khoản dự phòng	03		(87.105.500)	(148.659.715)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(55.571.354)	(16.708.614)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(35.533.630.744)	(45.961.783.665)
(Lãi)/lỗ trong công ty liên kết	05		(24.751.749.456)	7.525.035.370
Chi phí lãi vay	06		33.029.916.955	8.620.856.025
Điều chỉnh khác	07		13.792.232.017	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		505.438.680.918	236.026.546.501
Biến động các khoản phải thu	09		(82.942.510.850)	127.956.466.600
Biến động hàng tồn kho	10		1.150.880.190	419.546.088
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		43.872.647.715	(25.960.059.834)
Biến động chi phí trả trước	12		(647.108.751)	746.605.653
			466.872.589.222	339.189.105.008
Tiền lãi vay đã trả	14		(32.577.080.306)	(11.621.881.860)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(71.204.907.115)	(76.673.410.872)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.478.545.833)	(9.422.865.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		351.612.055.968	241.470.947.276
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(160.040.639.240)	(489.843.795.753)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		55.571.354	16.708.614
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(569.297.000.000)	(1.272.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn	24		810.500.000.000	1.430.500.000.000
Tiền thu từ cho vay	24		-	203.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(52.000.000.000)	(15.400.000.000)
Tiền thu cổ tức từ công ty liên kết	27		-	4.890.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức	27		34.571.735.776	52.504.142.213
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		63.789.667.890	(289.129.944.926)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	124.607.180.346	320.364.939.732
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.000.000.000)	(125.709.987.800)
Tiền trả cổ tức cho các cổ đông của công ty mẹ	36	(504.472.941.441)	(105.559.450.100)
Tiền chi trả cổ tức cho các cổ đông không kiểm soát	36	(5.825.411.688)	(7.670.537.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(388.691.172.783)	81.424.964.104
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	26.710.551.075	33.765.966.454
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	64.340.714.699	30.574.748.245
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	91.051.265.774	64.340.714.699

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Đặng Thúy Linh

Đặng Thúy Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Bùi Thị Kim Na

Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 3946/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Ngày 18 tháng 6 năm 2009, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 53/QĐ-SGDHCM ngày 8 tháng 6 năm 2009 của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, với mã chứng khoán là TMP.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và lợi ích của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động sản xuất kinh doanh

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh điện năng (thủy điện và điện mặt trời);
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý và vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư thiết bị;
- Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện; chế tạo thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí quan trắc công trình, thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện;
- Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; xây lắp đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng;
- Khai thác lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước sinh hoạt, công nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Trồng khai thác cây công nghiệp, cây lâm nghiệp;
- Cho thuê phương tiện giao thông;
- Dịch vụ nhà nghỉ, dịch vụ du lịch; và
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của các nhà máy điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết (1/1/2021: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty liên kết), được liệt kê dưới đây:

Tên đơn vị	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu vốn tại ngày		Tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày	
		31/12/2021	1/1/2021	31/12/2021	1/1/2021
Các công ty con					
▪ Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên	Kinh doanh thủy điện	99,92%	99,92%	100,00%	100,00%
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa	Kinh doanh thủy điện	61,17%	61,17%	61,17%	61,17%
Các công ty liên kết					
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Kinh doanh phong điện	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ thủy điện Thác Mơ	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	35,00%	35,00%	35,00%	35,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Nhóm Công ty có 159 nhân viên (1/1/2021: 160 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nhóm Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKTK ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán doanh nghiệp áp dụng cho các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 1425/EVN-TCKT ngày 22 tháng 3 năm 2019 (được gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) *Các giao dịch bằng ngoại tệ*

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá trung bình của tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Nhóm Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoản tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	8 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 11 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 29 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và công trình sửa chữa lớn tài sản cố định dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ kế toán năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí của các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả ngắn hạn” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với hướng dẫn của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi doanh nghiệp có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới do kết quả của một sự kiện trong quá khứ có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(k) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ này được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty và các công ty con được trích lập theo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê của Nhóm Công ty được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Nhóm Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	57.194	17.574.791
Tiền gửi ngân hàng	5.291.208.580	2.423.139.908
Các khoản tương đương tiền	85.760.000.000	61.900.000.000
	91.051.265.774	64.340.714.699

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm từ 3,2% đến 3,5% (1/1/2021: từ 3,0% đến 3,2%).

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn*****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ trên ba tháng đến một năm	433.000.000.000	433.000.000.000	674.000.000.000	674.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn này hưởng lãi suất năm từ 3,9% đến 5,1% (1/1/2021: từ 3,9% đến 4,9%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2021				1/1/2021					
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc/ Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết (i)										
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	10.000.000	20,00%	123.183.454.456	-	(*)	4.800.000	20,00%	46.431.705.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	140.000	35,00%	1.400.000.000	-	(*)	140.000	35,00%	1.400.000.000	-	(*)
			124.583.454.456	-				47.831.705.000	-	
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	256.500.000.000	13.500.000	3%	149.580.000.000	-	158.260.500.000
▪ Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)	150.000	10%	1.280.000.000	-	(*)
			150.860.000.000	-				150.860.000.000	-	
			275.443.454.456	-				198.691.705.000	-	

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi tiết đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Lãi lũy kế VND	Giá gốc VND	Lỗ lũy kế VND
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	100.000.000.000	23.183.454.456	123.183.454.456	48.000.000.000
• Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Hồ Thủy điện Thác Mơ	1.400.000.000	-	1.400.000.000	-
	101.400.000.000	23.183.454.456	124.583.454.456	48.000.000.000

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	47.831.705.000	45.055.583.599
Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết trong năm	24.751.749.456	(7.525.035.370)
Tăng vốn góp trong năm	52.000.000.000	15.400.000.000
Cổ tức nhận được trong năm	-	(4.890.000.000)
Điều chỉnh khác	-	(208.843.229)
Số dư cuối năm	124.583.454.456	47.831.705.000

(*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	148.800.677.421	56.633.205.553
Các khách hàng khác	35.843.394.669	33.311.643.313
	<hr/>	<hr/>
	184.644.072.090	89.944.848.866

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	148.800.677.421	56.633.205.553
Ban quản lý Dự án Thủy điện 6	10.098.878.797	10.098.878.797
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	6.971.475.775	5.909.572.507
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	5.605.375.691	5.341.823.253
Tập đoàn Điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	3.755.593.048	3.312.551.390

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Bên liên quan		
Phải thu Ban quản lý Dự án Thủy điện 6 từ việc trả hộ cho dự án Nhà máy Thủy điện Thác Mơ mở rộng	27.267.692.037	27.267.692.037
Tập đoàn điện lực Việt Nam – công ty mẹ cấp cao nhất	2.339.254.146	1.676.607.831
Bên thứ ba khác		
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	4.993.948.420	4.032.053.452
Các khoản phải thu khác	11.587.749.578	13.008.807.874
	<hr/>	<hr/>
	46.188.644.181	45.985.161.194

Các khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

		31/12/2021 và 1/1/2021		
Số ngày quá hạn		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Phải thu khác từ khách vắng lai trước cổ phần hóa 		Trên 3 năm	8.070.760.171	(8.070.760.171)
				-

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021 Giá gốc VND	1/1/2021 Giá gốc VND
Nguyên vật liệu	1.217.048.630	1.047.107.886
Công cụ và dụng cụ	12.569.500	2.429.500
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	673.610.934	1.446.137.450
	1.903.229.064	2.495.674.836

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, Nhóm Công ty không có hàng tồn kho mất phẩm chất, hư hỏng cần trích lập dự phòng.



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.674.232.927.793	1.271.283.015.343	122.694.759.023	10.026.086.531	3.078.236.788.690
Tăng trong năm	2.159.061.425	4.636.481.122	454.030.909	2.568.657.024	9.818.230.480
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	13.380.990.804	69.029.072.988 (1.661.397.400)	12.331.658.227 (856.116.000)	1.723.675.510 (182.340.000)	96.465.397.529 (2.699.853.400)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn Phân loại lại	- 42.042.345.101	(2.511.728.999) (103.680.643.379)	- 46.465.522.772	- 15.172.775.506	- (2.511.728.999)
Số dư cuối năm	1.731.815.325.123	1.237.094.799.675	181.089.854.931	29.308.854.571	3.179.308.834.300
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.369.120.565.741	669.453.341.847	115.047.066.529	5.762.007.473	2.159.382.981.590
Khấu hao trong năm Thanh lý	19.921.605.506 -	65.628.960.023 (1.661.397.400)	1.750.721.084 (856.116.000)	945.867.474 (182.340.000)	88.247.154.087 (2.699.853.400)
Số dư cuối năm	1.389.042.171.247	733.420.904.470	115.941.671.613	6.525.534.947	2.244.930.282.277
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	305.112.362.052	601.829.673.496	7.647.692.494	4.264.079.058	918.853.807.100
Số dư cuối năm	342.773.153.876	503.673.895.205	65.148.183.318	22.783.319.624	934.378.552.023

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 1.946.068 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 1.948.683 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 556.632 triệu VND (1/1/2021: 554.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của Nhóm Công ty (Thuyết minh 20(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	20.591.971.225	227.480.000	20.819.451.225
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.266.217.575)	-	(4.266.217.575)
Số dư cuối năm	16.325.753.650	227.480.000	16.553.233.650
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.153.159.042	157.769.915	5.310.928.957
Khấu hao trong năm	559.262.048	41.826.048	601.088.096
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(921.444.944)	-	(921.444.944)
Số dư cuối năm	4.790.976.146	199.595.963	4.990.572.109
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	15.438.812.183	69.710.085	15.508.522.268
Số dư cuối năm	11.534.777.504	27.884.037	11.562.661.541

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản cố nguyên giá 69 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 69 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

13. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	2.869.359.794	5.505.329.908
Tăng trong năm	100.040.625.216	546.048.019.632
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	95.539.330.214	531.770.178.722
<i>Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	4.501.295.002	11.456.622.831
<i>Lãi vay được vốn hóa</i>	-	2.821.218.079
Quyết toán chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	(4.501.295.002)	(11.456.622.831)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(96.465.397.529)	(537.227.366.915)
Số dư cuối năm	1.943.292.479	2.869.359.794

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Xây dựng Văn phòng làm việc tại Thị xã Đồng Xoài	1.297.148.276	1.297.148.276
Cụm Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Thác Mơ 375MWp	646.144.203	455.400.971
Nâng cấp nhà kho, nhà xưởng	-	778.852.843
Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Đăkrosa	-	204.545.455
Dự án Điện Mặt Trời Thác Mơ 50MWp	-	133.412.249
	1.943.292.479	2.869.359.794

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa và bảo trì VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.345.316.615	-	973.232.428	5.318.549.043
Tăng trong năm	3.950.989.161	-	1.183.200.193	5.134.189.354
Phân bổ trong năm	(2.835.512.976)	-	(1.546.354.870)	(4.381.867.846)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	2.511.728.999	2.511.728.999
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	3.344.772.631	-	3.344.772.631
Số dư cuối năm	5.460.792.800	3.344.772.631	3.121.806.750	11.927.372.181

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	20%	943.859.274	1.074.355.982

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển Công nghệ Thông tin	2.669.500.000	56.796.573.438
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xây dựng KCT	2.366.879.694	-
Các nhà cung cấp khác	25.470.509.868	6.694.685.816
	30.506.889.562	63.491.259.254

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số cân trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	31/12/2021 VND
Thuế						
Thuế giá trị gia tăng	783.904.496	74.802.332.250	(28.324.554.180)	(42.361.075.043)	-	4.900.607.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.724.945.049	70.153.825.867	-	(71.204.907.115)	-	11.673.863.801
Thuế thu nhập cá nhân	63.791.369	3.056.286.909	-	(3.243.148.334)	336.071.650	213.001.594
Thuế tài nguyên	2.600.885.544	70.118.138.273	-	(67.744.223.700)	-	4.974.800.117
Các loại thuế khác	-	854.613.540	-	(1.461.376.157)	606.762.617	-
Các khoản phải nộp khác						
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.195.354.312	27.043.973.712	-	(21.935.440.188)	-	8.303.887.836
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	6.812.460.000	7.862.027.000	-	(7.862.027.000)	-	6.812.460.000
	26.181.340.770	253.891.197.551	(28.324.554.180)	(215.812.197.537)	942.834.267	36.878.620.871

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Chuyển từ thuế phải nộp VND	31/12/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	336.071.650	336.071.650
Các loại thuế khác	-	-	606.762.617	606.762.617
	-	-	942.834.267	942.834.267

12-0
 IÁN
 Y TI
 IG
 TCH

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Chi phí thuê đất	884.222.880	-
Chi phí lãi vay	566.503.316	580.609.537
Chi phí khác	2.738.446.696	424.748.393
	<hr/>	<hr/>
	4.189.172.892	1.005.357.930
	<hr/>	<hr/>

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021	1/1/2021
	VND	VND
Cổ tức phải trả	10.591.970.927	8.577.210.056
Kinh phí công đoàn	175.328.000	94.050.260
Các khoản phải trả khác	1.546.546.833	1.109.126.578
	<hr/>	<hr/>
	12.313.845.760	9.780.386.894
	<hr/>	<hr/>

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 1/1/2021	Biến động trong năm		Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ 31/12/2021
	VND	Tăng VND	Giảm VND	VND
Vay dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	43.262.245.888	(3.000.000.000)	43.262.245.888
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Vay dài hạn	456.972.120.078	335.364.939.732
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(43.262.245.888)	(3.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	413.709.874.190	332.364.939.732

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Khoản vay từ:					
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (i)	VND	8,60-8,80%	2024	12.000.000.000	15.000.000.000
		Lãi tiết kiệm 12 tháng+2-			
▪ Ngân hàng Shinhan Việt Nam (ii)	VND	2,3%	2030	444.972.120.078	320.364.939.732
				456.972.120.078	335.364.939.732

(i) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 22.226 triệu VND (1/1/2021: 25.127 triệu VND) (Thuyết minh 11).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 495.000 triệu VND, được sử dụng để tài trợ cho dự án xây dựng nhà máy điện mặt trời có công suất 50MWp.

Khoản vay này sẽ được hoàn trả trong 34 kỳ, tiền gốc sẽ được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 6 năm 2022. Tiền lãi được hoàn hàng quý bắt đầu từ tháng 12 năm 2020.

Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 534.406 triệu VND (1/1/2021: 528.873 triệu VND) (Thuyết minh 11).

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.826.843.292	5.664.215.462
Trích lập trong năm từ LNST chưa phân phối của các năm trước (Thuyết minh 23)	7.112.344.000	8.585.492.830
Trích lập trong năm từ LNST chưa phân phối năm nay (Thuyết minh 23)	200.000.000	-
Sử dụng trong năm	(9.320.440.800)	(9.422.865.000)
Số dư cuối năm	2.818.746.492	4.826.843.292

22. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

Biến động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	3.720.000.000	3.720.000.000
Trích lập trong năm	15.000.000.000	-
Sử dụng trong năm	(2.158.105.033)	-
Số dư cuối năm	16.561.894.967	3.720.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	700.000.000.000	56.454.368.091	129.487.422.947	567.282.107.140	47.906.362.030	1.501.130.260.208
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	178.522.622.045	4.693.808.323	183.216.430.368
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 26)	-	-	49.353.801.048	(49.353.801.048)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	(8.110.790.127)	(474.702.703)	(8.585.492.830)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(105.000.000.000)	(7.766.392.500)	(112.766.392.500)
Điều chỉnh khác	-	-	(587.717.254)	378.874.025	-	(208.843.229)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	700.000.000.000	56.454.368.091	178.253.506.741	583.719.012.035	44.359.075.150	1.562.785.962.017
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	353.217.077.084	6.694.947.158	359.912.024.242
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 26)	-	-	57.268.684.474	(57.268.684.474)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối của các năm trước (Thuyết minh 21)	-	-	-	(6.786.498.172)	(325.845.828)	(7.112.344.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST chưa phân phối năm nay (Thuyết minh 21)	-	-	-	(200.000.000)	-	(200.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	(506.100.000.000)	(6.213.114.000)	(512.313.114.000)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(1.207.767.983)	-	(1.207.767.983)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	700.000.000.000	56.454.368.091	235.522.191.215	365.373.138.490	44.515.062.480	1.401.864.760.276



Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2021		1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày phát hành báo cáo tài chính:

	31/12/2021 và 1/1/2021		
	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	% sở hữu
Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên”)	36.341.500	363.415.000.000	51,92%
Công ty TNHH Năng Lượng REE	29.843.740	298.437.400.000	42,63%
Các cổ đông khác	3.814.760	38.147.600.000	5,45%
	70.000.000	700.000.000.000	100%

Công ty mẹ, Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên”), được thành lập tại Việt Nam.

25. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 15 tháng 4 năm 2021, các cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 506.100 triệu VND, tương đương 7.230 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020; phân phối khoản cổ tức 210.000 triệu VND, tương đương 3.000 VND/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2019, trong đó Công ty đã tạm ứng khoản cổ tức 105.000 triệu VND cho các cổ đông trong năm 2019).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Biến động quỹ đầu tư phát triển trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	178.253.506.741	129.487.422.947
Trích lập trong năm (Thuyết minh 23)	57.268.684.474	49.353.801.048
Điều chỉnh khác	-	(587.717.254)
Số dư cuối năm	235.522.191.215	178.253.506.741

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	1.223.634.839	1.154.492.633
Trong vòng hai đến năm năm	4.894.539.356	4.617.970.532
Trên năm năm	22.401.312.330	20.588.451.955
Tổng cộng	28.519.486.525	26.360.915.120

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	5.676.292.540	116.349.219.591

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	733.649.731.070	422.874.139.433
▪ Cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	14.674.301.610	20.336.963.451
	748.324.032.680	443.211.102.884

29. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn		
▪ Sản xuất điện	273.488.745.771	196.343.510.745
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	87.114.020.848	37.110.707.893
<i>Thuế tài nguyên, phí dịch vụ môi trường rừng và</i>		
<i>phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước</i>	105.024.138.985	79.488.749.471
<i>Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định</i>	4.501.295.002	11.456.622.831
<i>Chi phí nhân công</i>	37.122.139.172	24.831.612.133
<i>Chi phí nguyên vật liệu</i>	8.411.964.317	7.351.218.340
<i>Chi phí thuê đất</i>	-	9.542.457.555
<i>Chi phí khác</i>	31.315.187.447	26.562.142.522
▪ Dịch vụ đã cung cấp và giá vốn khác	12.227.863.265	17.640.483.813
	285.716.609.036	213.983.994.558

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	21.808.630.744	43.051.783.665
Thu nhập cổ tức	13.725.000.000	2.910.000.000
	35.533.630.744	45.961.783.665

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	19.933.259.044	14.397.573.143
Trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	15.000.000.000	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.733.276.594	1.857.818.473
Thuế, phí và lệ phí	1.508.146.802	2.845.272.185
Chi phí khác	20.384.448.558	12.962.061.661
	58.559.130.998	32.062.725.462

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	8.904.707.886	8.364.276.816
Chi phí nhân công và nhân viên	57.055.398.216	39.229.185.276
Chi phí khấu hao và phân bổ	88.848.242.183	38.968.526.366
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	4.501.295.002	11.456.622.831
Thuế, phí và lệ phí	106.532.285.787	91.876.479.211
Chi phí khác	78.433.810.960	56.151.629.520

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	70.153.825.867	43.692.353.658
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	130.496.708	130.496.708
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	70.284.322.575	43.822.850.366

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	430.196.346.817	227.039.280.734
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	86.039.269.363	45.407.856.147
Ảnh hưởng của các mức thuế suất ưu đãi áp dụng cho các công ty con	(3.317.347.424)	(2.076.691.043)
Ưu đãi thuế	(5.464.091.732)	(1.620.849.713)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	268.350.766	118.714.754
(Thu nhập)/lỗ không tính thuế	(7.695.349.891)	923.007.074
Chi phí không được khấu trừ thuế	453.491.493	1.070.813.147
	70.284.322.575	43.822.850.366

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện và hoạt động kinh doanh khác.

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời của Công ty có doanh thu (2020). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên Dự án đầu tư điện mặt trời có doanh thu (2020 đến 2023) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2024 đến 2032).

Công ty con

- Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkrosa được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2007 đến năm 2021, được miễn thuế trong 4 năm (2007 – 2010) và giảm 50% trong 9 năm (2011 – 2019).
- Công ty Cổ phần Mỹ Hưng Tây Nguyên được áp dụng thuế suất 10% từ năm 2015 đến năm 2029, được miễn thuế trong 4 năm (2015 – 2018) và giảm 50% trong 9 năm (2019 – 2027).

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lãi thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021	2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	353.217.077.084	178.522.622.045
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	353.217.077.084	178.522.622.045
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	353.217.077.084	178.522.622.045

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Nếu Nhóm Công ty phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2021	2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
	70.000.000	70.000.000
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	70.000.000	70.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Tập đoàn Điện Lực Việt Nam Cung cấp dịch vụ	7.004.493.252	6.584.598.313
Công ty mẹ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty Cổ phần (trước đây là “Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành viên”) Chia cổ tức	262.749.045.000	54.512.250.000
Các bên liên quan khác Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh Chia cổ tức	-	44.765.610.000
Công ty liên kết Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình Cổ tức được chia Góp vốn	52.000.000.000	4.890.000.000 15.400.000.000
Công ty TNHH Năng Lượng REE Chia cổ tức	215.770.240.200	-
Công ty Mua Bán Điện – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam Bán điện	732.920.715.622	422.160.544.099
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung Bán điện	387.160.150	380.442.020
Công ty Điện lực Bình Phước - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam Bán điện Mua hàng hóa dịch vụ	341.855.298 2.027.740.860	333.153.614 3.347.530.281
Công ty Cổ phần Cơ điện Điện lực Đồng Nai Cổ tức được chia	225.000.000	210.000.000
Công ty Viễn thông điện lực và Công nghệ thông tin Mua hàng hóa, dịch vụ	305.275.976	-
Trường cao đẳng Điện lực Hồ Chí Minh Mua hàng hóa, dịch vụ	169.388.659	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021	2020
	VND	VND
Nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty		
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	393.648.000	376.461.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.108.428.000	669.192.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Huỳnh Văn Khánh – Chủ tịch		
Thù lao	649.396.000	393.185.000
Nguyễn Quang Quyền – Thành viên		
Thù lao	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Văn Non – Thành viên		
Thù lao	72.000.000	42.000.000
Lê Tuấn Hải – Thành viên		
Thù lao	72.000.000	72.000.000
Đình Văn Sơn – Thành viên		
Thù lao	-	30.000.000
Lê Minh Tuấn – Thành viên		
Thù lao	-	72.000.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
Thù lao	617.471.000	424.873.000

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2021	2020
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa thanh toán	2.669.500.000	56.885.635.676
Lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	-	466.942.870

Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Đặng Thúy Linh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Bùi Thị Kim Na
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Non
Tổng Giám đốc